

Bài 167. Kinh Tăng Chi | Chương Sáu pháp | Phẩm Dhammika (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 26/02/2019

Hôm nay mình học Kinh 53.

Bài kinh 53: Không dễ người

Nội dung bài kinh này nói đến một vấn đề thôi. Nhưng sở dĩ một vấn đề mà được kể vào chương Sáu pháp là bởi vì Đức Thế Tôn nói về hạnh không phóng dật, không dễ người đó. Tiếng Việt mình xưa, Phật tử mình nói “không dễ duôi”. Tôi không dịch “không dễ duôi” là bởi vì nhiều người không phải Phật tử, họ nghe không hiểu, dùng “không dễ người” dễ hiểu hơn.

Có một ông Bà-la-môn đến hỏi Đức Phật thế này:

Ở ngoài đời có biết bao nhiêu chuyện để làm, để học. Trong đạo, trong tín ngưỡng, tôn giáo cũng vậy, thầy bà dạy đủ thứ hết. Mỗi ông thầy dạy một cách. Ngoài đời cũng mỗi người dạy một cách, dạy nghề nghiệp để kiếm sống. Còn trong tôn giáo thì các sư phụ, giáo chủ dạy cho đời sống tâm linh, dạy cho đời sau kiếp khác. Nhiều quá, nhiều lắm, nên bây giờ con xin Thế Tôn nói gọn cho con một điều thôi. Một điều nào đó con theo đó, ngay đời này lẫn đời sau nếu còn có tái sanh, thì con vẫn có thể được lợi lạc.

Đức Phật xét thấy căn cơ của ông Bà-la-môn này, Ngài dạy:

Có chứ. Có một pháp mà làm đúng theo rồi thì ngay đời này lẫn kiếp sau chắc chắn người ta sẽ được vô lượng lợi lạc. Đó là không dễ người, trong đây dịch là không phóng dật.

Tại sao tôi tránh không dùng chữ “phóng dật”? Bởi chữ “phóng dật” này nó có hai nghĩa đối lập nhau. Chữ “phóng dật” này là chữ Hán dùng dịch cho cả hai chữ Pali là

pamāda và chữ uddhacca cũng dịch là “phóng dật”. Kẹt như vậy đó, nên chúng tôi quyết định là dịch “không dễ người”.

Không dễ người là sao?

Không dễ người đây gồm có ba:

Một, không dễ người có nghĩa là không coi thường điều thiện nào là nhỏ để rồi không làm.

Hai, không coi thường điều ác nào là nhỏ rồi làm.

Thí dụ mình đang ngồi, liếc ra sân thấy một tí rác, liếc xuống bếp, liếc vô nhà tắm thấy có chút gì đó dơ dơ cần phải lau dọn. Mình nghĩ: “Ôi, có một chút làm gì cho mất công.” Đó là dễ duôi. Vì thật ra chúng ta không có lý do để lười biếng. Khi nào mình bận rộn thì thôi, chớ nếu mình đang có thời gian, chuyện đó là chuyện tốt, dầu nó nhỏ, chỉ là lau dọn nhà tắm, một chút rác ngoài sân, thì mình cũng đừng chê chuyện đó là chuyện nhỏ.

Nó là chuyện thiện nhỏ nhưng lại là lớn chuyện. Vì dầu nó nhỏ nhưng mình vẫn tinh tấn thực hiện thì lúc bấy giờ chẳng những mình thực hiện điều thiện đó mà còn nuôi lớn khả năng siêng năng, tinh tấn của mình nữa, chớ không phải chỉ riêng điều thiện đó. Điều thiện nhỏ có cái khó làm của nó. Điều thiện lớn có cái khó làm là bởi cần có điều kiện tùm lum hết. Nhưng điều thiện nhỏ cũng đòi hỏi chúng ta cái trạng thái tâm lý ngon lành lắm mới làm được chuyện thiện nhỏ.

Chuyện khó, như giúp người ta chuyện nhỏ xiu là xỏ dùm cây kim, nấu dùm người già một ấm nước nóng. Đó cũng là chuyện nhỏ, không có đáng, nhưng không phải ai cũng làm được.

Phải có trái tim lớn mới có thể làm được chuyện thiện nhỏ. Phải có thiện căn lớn mới không chê những điều lành nhỏ. Mà ai có lòng chê những chuyện thiện nhỏ rồi không làm, đó là dễ duôi.

Cái dễ duôi thứ hai là coi điều đó là điều xấu nhỏ, không đáng, rồi không tránh. Mình nói vui miệng giỡn chơi thôi, không ngờ câu nói đó dẫn đến hậu quả tai họa cho người khác mà mình không có lường, mà cứ nghĩ là vui miệng thôi. Hoặc là thất niệm, mình không hề biết cái suy nghĩ vừa rồi của mình nó bậy cỡ nào, mình không biết. Mình nói: “Ôi, nhầm gì, cái suy nghĩ thoáng qua gì mà dữ vậy.” Nhưng thật ra không có suy nghĩ bậy nào là nhỏ hết.

Trong kinh dạy rất rõ:

Một suy nghĩ thiện hay suy nghĩ bất thiện không hề nhỏ như ta nghĩ. Vì suy nghĩ thiện hay bất thiện nó đều là nghiệp. Mà đã là nghiệp thì đều dẫn đến tái sanh.

Cho nên chỉ một suy nghĩ thoáng qua trong đầu mình, trong kinh nói nó giống như một đốm lửa. Không có ai đại đột gì mà nói đốm lửa này nhỏ, đốm lửa kia lớn. Dĩ nhiên trong lúc nói chuyện thì mình có thể nói: “Ờ, đốm lửa này nhỏ, đốm lửa kia lớn.” Đó là nói chuyện, chứ trong thực tế, xét về mặt an toàn và nguy hiểm thì đốm lửa nhỏ hay đốm lửa lớn đều giống nhau. Bởi cái nào cũng có thể dẫn tới hệ quả tương đương.

Để nấu ăn thì đốm lửa nhỏ trong cái diêm quẹt đủ rồi. Mà để đốt cháy một khu rừng thì cũng cần một đốm lửa nhỏ trong cái đầu tàn thuốc lá cũng đủ. Cho nên trong kinh nói nghiệp thiện, nghiệp ác đều là nghiệp tái sanh. Mà đã là nghiệp tái sanh thì nó giống như ngọn lửa vậy. Nghĩa là thấy nó nhỏ nhưng nó lớn chuyện lắm. Nói tái sanh thì đâu là chuyện nhỏ được. Chỉ cần một suy nghĩ tầm bậy của mình có thể dẫn mình đi sa đọa. Mà một khi đã đọa thì lớn chuyện rồi. Làm con trùn, con dế; làm chó, làm heo; làm mèo, làm chuột là nó lớn chuyện rồi.

Cho nên thứ nhất, không dễ người là không coi thường điều thiện nhỏ rồi không làm. Cái dễ người thứ hai là coi thường điều ác nhỏ rồi làm. Một câu nói, một suy nghĩ bất thiện là cũng phải được nhận diện lập tức, được phát hiện lập tức.

Mình nói nhỏ là nhỏ cái gì? Nó nhỏ vì nó chưa ra hành động hay vì tạm thời nó chưa dẫn đến hậu quả ghê gớm, rầm rộ, ầm ĩ rồi mình cho nó là nhỏ. Chớ thật ra thiện ác không có nhỏ. Nhớ nhe, chỉ có nhiều hay ít thôi chớ không có nhỏ. Các vị tưởng tượng như một đốm lửa thì thích thì nó lớn, thích thì nó nhỏ, thích thì nó nhiều, thích thì nó ít. Nhưng trong tác dụng của một ngọn lửa thì trời mới biết đốm lửa đó có thể dẫn đến chuyện gì.

Ba, cái không dễ người thứ ba là không coi thường chuyện tái sanh. Phải luôn luôn nhớ hễ còn có tái sanh là còn có sanh tử. Mà còn có sanh tử thì còn đau khổ trùng trùng. Đừng nghĩ rằng sanh về trời là sướng. Đừng nghĩ mang thân nhân loại là sướng. Đừng nghĩ được đẹp đẽ, giàu sang, sung sướng là ngon lành. Chưa chắc đâu quý vị.

Cái thứ ba này là ghê gớm nhất. Luôn luôn canh cánh trong lòng, nhớ rằng bất cứ hình thức tái sanh nào, đau khổ cỡ nào, sướng cỡ nào cũng đều là đáng sợ và đáng chán hết. Có nhiều người lánh ác hành thiện, họ tưởng họ tinh tấn tu hành là đâu có dễ người, nhưng họ bị lọt vào cái thứ ba. Có nghĩa là họ chưa biết sợ tái sanh thì vẫn là còn dễ người. Bởi vì họ quên một chuyện rất quan trọng. Thiện ác nó chỉ phát tác hiệu quả trong cái gọi là tái sanh thôi. Không có tái sanh thì thiện ác đâu có tác dụng gì. Cho nên mình lánh ác hành thiện chưa đủ.

Mà cái thứ ba nữa là phải biết sợ, biết chán sanh tử và chuyện tái sanh. Nếu kẻ nào còn mong sanh về cõi này cõi kia, còn mong mình tiếp tục có mặt trong cái hình thức hiện hữu nào đó, thì kẻ đó chưa tinh tấn rốt ráo trong cõi từng lâm, trong cuộc tu, trong hành trình phạm hạnh này.

Sẵn đây tôi nói luôn chuyện nữa. Rất nhiều và rất nhiều Phật tử đi chùa nghe Đạo ba mớ lổm đổm. Nghe nói tu hành là phải vun bồi phước báo ba-la-mật, bởi vì làm phước mà không cầu giải thoát chỉ là phước hữu lậu. Mình làm phước thì phải cầu giải thoát, cái đó mới gọi là ba-la-mật. Ăn rồi chống mộng làm ba-la-mật mà quên

một chuyện kinh khủng, đó là tại sao mình nghĩ đến chuyện vun bồi ba-la-mật mà không nghĩ rằng cần phải tu tập ngay bây giờ?

Bởi nếu có đủ ba-la-mật thì mình đắc ngay kiếp này. Còn không đủ thì coi như những nỗ lực của mình nó lại tiếp tục là ba-la-mật cho kiếp khác. Trong room có hiểu cái này không ta?

Cứ vừa học Đạo là học, công đức cứ là công đức, nhưng phải tu tập Tuệ quán, phải tu tập Tứ Niệm Xứ. Đủ duyên thì chứng Thánh ngay đời này, đủ ba-la-mật thì chứng Thánh; còn không thì những chuyện mình làm nó là ba-la-mật, chớ đâu có mất đi đâu. Nhưng đừng có lấy chuyện trau dồi ba-la-mật, coi nó là quan trọng hàng đầu, là bậy vô cùng.

Tôi nhắc lại: Đừng đại dốt coi cái chuyện vun bồi ba-la-mật là điều quan trọng hàng đầu. Vì sao vậy? Vì có cái còn quan trọng hơn vun bồi ba-la-mật nữa, đó là phát huy tác dụng ba-la-mật. Bởi nếu anh phát huy tác dụng ba-la-mật mà nó không được gì hết, thì nó cũng trở thành ba-la-mật. Nó không mất đi đâu hết. Tôi thề độc luôn, nó không có mất.

Phải phát huy tác dụng ba-la-mật thông qua sự tu tập Tuệ quán. Mà nếu nó không đắc thì nó cũng là ba-la-mật nữa. Trong khi đó mình cứ cắm đầu chống mộng, tôi nói rất là nặng, để vun bồi ba-la-mật mà không chịu phát huy ba-la-mật, thì coi như mình đã bỏ lỡ cơ hội rồi. Nhe!

Tôi nói lại: Phát huy tác dụng ba-la-mật nó tốt hơn là vun bồi ba-la-mật. Bởi vì phát huy có nghĩa là anh tận dụng tín, tấn, niệm, định, tuệ của anh để tu tập Tuệ quán. Nếu nó đủ duyên thì đời sống chánh niệm sẽ giúp anh chứng Thánh. Còn nếu duyên ba-la-mật của anh chưa tới thì những gì anh nỗ lực đâu có mất đi đâu. Nó lại trở thành ba-la-mật cho kiếp khác.

Chúng ta còn 5.000 năm xá lợi gom lại ở Bồ Đề Đạo Tràng, chúng ta còn cơ hội gặp Phật Di Lạc. Còn nếu trễ tràng lắm, coi như hết kiếp trái đất này chúng ta còn gặp

nhiều vị Phật khác mà.

“Nếu trẻ chẳng gặp Phật nào,
Nhằm kỳ Độc Giác làm sao cũng thành”.

Coi như không đủ duyên gặp Phật để trở thành Thịnh Văn, thì tự nhiên khi ba-la-mật của Thịnh Văn chín muồi, mà lúc đó lâu quá không có Phật, thì tự nhiên chúng ta sẽ chuyển qua Độc Giác, ta đắc cái rẹt.

Mình giả định cái quả vị Thịnh Văn giống như căn nhà cấp bốn. Mà thời điểm bây giờ xây cái nhà cấp bốn lại trục trặc. Thế là đồng tiền để xây nhà cấp bốn đó mình để dành để xây nhà có lầu một, ngon hơn cấp bốn. Mà nếu xây nhà lầu một bị trục trặc thì số tiền đó cứ để đó để cất nhà lầu hai, lầu ba, lầu bốn, nó không mất đi đâu hết.

“Nếu trẻ chẳng gặp Phật nào,
Nhằm kỳ Độc Giác làm sao cũng thành”.

Cho nên phải nỗ lực tại đây và ngay từ bây giờ. Bậy bạ nhất là coi thường điều thiện nhỏ rồi không làm. Cái bậy thứ hai là coi thường điều ác nhỏ rồi làm. Cái bậy bạ thứ ba là không biết sợ sanh tử. Từ chỗ không biết sợ sanh tử mới dẫn đến ý tưởng vun bồi ba-la-mật. Chớ nếu quý vị sợ sanh tử mà sợ kiểu té khói, sợ kiểu “vãi ra quần”, thì các vị đã tu tập Tuệ quán ngay bây giờ rồi. Tôi biết tôi thuyết Pháp bằng ngôn ngữ rất là nặng, nhưng không nặng không có hiểu. Khổ vậy đó!

Cho nên phải nỗ lực tu tập Tuệ quán ngay từ bây giờ. Sống theo tinh thần ấy gọi là không dễ người.

Bài Kinh này Đức Thế Tôn chỉ nói đến một vấn đề là “không dễ người”, nhưng tại sao được xếp vào chương Sáu chi? Là bởi ở đây Ngài dùng sáu ví dụ.

Ví dụ một: Giống như dấu chân voi.

Tinh thần “không dễ người” này giống như dấu chân voi so với tất cả dấu chân khác. Trong tất cả các dấu chân, không có dấu chân nào to hơn dấu chân voi.

Mình chưa so với dấu chân tê giác, nhưng Kinh nói thì mình tin vậy. Thứ hai nữa, tôi được biết voi có những con ngoại cỡ, super size, tức là ngoài cái dáng thông thường. Kế nữa là tại sao Ngài chọn hình ảnh con voi? Bởi voi là con vật người dân Ấn Độ thời đó thấy nó thường hơn tê giác. Tê giác thời nào cũng là thú hiếm ít thấy, mà điều kiện sinh hoạt và sinh học của nó không có tính bầy đàn cao như voi. Đây là hai lý do vì đâu trong Kinh này Thế Tôn lại chọn hình ảnh con voi.

Cũng vậy, trong tất cả các pháp tu, các pháp tu đều nằm gọn trong pháp “không dễ người”, kể cả pháp môn Tứ Niệm Xứ. Bởi vì tu Tứ Niệm Xứ đang hoàng cũng gọi là không dễ người. Giới luật trang nghiêm 100% cũng gọi là không dễ người. Tất cả các hạnh tu đều nằm trong ba chữ không dễ người.

Tôi nhắc lại: Bồ thí thường xuyên, đúng nghĩa, đúng mức, đúng chuẩn cũng gọi là không dễ người. Trì giới, thiền định, Tuệ quán, kham nhẫn, tinh tấn học hành giáo lý, tất thảy các công đức, các hạnh lành đó đều được gọi là không dễ người.

Cho nên “không dễ người” là tên gọi bao trùm cho tất cả các hạnh lành, các pháp tu. Giống như tất cả các dấu chân đều có thể đặt gọn trong dấu chân voi vậy. Tất cả các pháp môn tu hành, tất cả các hạnh lành đều có thể đặt gọn trong lòng ba chữ “không dễ người”.

Ví dụ hai: Giống như cái nóc nhà.

Cái nóc nhọn của cái nhà là chỗ quy tụ tất cả rui, mè, kèo, cột. Không có điểm quy tụ trên nóc thì mấy cái rui, mè, kèo, cột nó tựa vào đâu?

Ví dụ ba: Như nắm cỏ trong tay người cắt cỏ.

Khi người ta muốn cắt cỏ, người ta hươ tay, nắm, túm nó thành một bó, xong người ta mới cắt. Cũng vậy, tinh thần “không dễ người” thu tóm tất cả các pháp lành.

Ví dụ bốn: Như cái nhánh cây.

Trái gì trái, nhưng đều có cái nhánh cây gốc. Một gốc cây có nhiều nhánh. Trong nhánh lớn có vô số nhánh nhỏ, thì nhánh lớn gọi là nhánh gốc, nhánh chính. Thì tất cả đều nằm hết trong nhánh chính.

Như tôi nhớ hồi xưa được nghe kể chuyện là mấy người Thượng họ khờ lắm, hiền lắm. Mà tới bây giờ họ cũng còn khờ vậy đó quý vị. Họ đi bắt cá, bắt cả rồ, xỏ xâu, cứ 10 con họ đem xuống chợ phiên miền xuôi, bán 1 đồng. 10 con bán 1 đồng. Người Kinh thấy xâu lớn, xâu bé gì cũng một đồng thì lựa xâu lớn mua.

Mấy người mua sau thấy xâu nhỏ, thấy một đồng hơi mắc, kêu giảm. Thì anh chàng Thượng nói rằng: “Bắt con lớn, bắt con nhỏ đều mệ như nhau. Người ăn thì lớn nhỏ khác nhau, chớ người bắt thì mệ như nhau.”

Chưa hết. Ảnh bị mình gạt riết, ảnh không có tin ba cái vụ tính rợ, tính nhảm. Mà một với một là hai thì ảnh tin, chớ còn nói như $5 \times 3 = 15$ ảnh không tin. Cho nên khi ảnh bán cho mình một rổ trứng là ảnh bán theo cách: một trứng một đồng, hai trứng thì hai đồng. Bao nhiêu trứng bỏ ra thì bấy nhiêu đồng, ảnh mới tin. Chớ còn ảnh không có kiểu như mình đưa dư thì thối lại, đưa thiếu thì bù thêm.

Còn cái này nữa mới thấy thương nè. Là ảnh thấy mấy cây trâm, cây nào trái nhiều, trái nhỏ thì làm sao hái hết được đây. Thế là cây nào trái nhiều, ảnh đốn nguyên cây vậy rồi đem xuống chợ phiên. Người Việt mình thấy vậy nóng ruột, nói: “Trời ơi, cây trâm này, trái trâm, trái nhung, trái say này mấy chục năm mới to thế này. Mà mấy anh đốn kiểu này, mười năm, hai chục năm nữa cái rừng còn gì mà ăn.”

Mấy anh Thượng mới nói: “Chớ bây giờ trái nhỏ, không làm sao mà hái.”

Người Kinh mới nói: “Thôi bây giờ ông lựa nhánh nào nhiều thiệt là nhiều, ông cắt nhánh đó thôi.”

Ảnh nghe cũng có lý. Lần sau ảnh thấy nhánh nào nhiều, ảnh cửa đem xuống. Mà quý vị biết ảnh cửa kiểu nào không? Cái nhánh nó mọc từ trong ra ngoài thì ảnh cửa từ ngoài cửa vô, thay vì người ta cửa từ trong cửa ra. Lát sau, ba giây, nhánh nó gãy thì ảnh té xuống đất. Ảnh mới nói: “Người Kinh gian dối. Hồi đó giờ ảnh đốn nguyên cây có bị gì đâu!”

Tại sao tôi đánh một vòng dài như vậy? Tại vì tôi muốn nói bà con biết cái nhánh chính, nhánh gốc nó quan trọng lắm. Nghĩa là từ nhánh lớn, nhánh mẹ, nó mới ra nhánh con. Mà giờ mình ngồi ngoài nhánh con, mình cửa ngược lại nhánh mẹ là không được.

Ở đây cũng vậy. Trong tất cả các hạnh lành, nếu pháp tu nó là nhánh nhỏ thì ba chữ “không dễ người”, tinh thần không dễ người, chính là nhánh chính, nhánh mẹ. Từ tinh thần không dễ người mới đẻ ra các hạnh lành, các pháp tu.

Ví dụ như Chuyển Luân Vương

Tất cả các ông vua lon con trên trái đất này đều là những ông vua vệ tinh, ông vua “phụ tùng” của vua Chuyển Luân Vương. Tôi đã nói không biết bao nhiêu lần, Chuyển Luân Vương là sao? Là lâu lâu trên trái đất này mới xuất hiện nhân vật có 32 tướng tốt. Nhân vật có 32 tướng tốt chỉ có hai con đường để đi. Một, đó là vị Chánh Đẳng Chánh Giác tương lai. Hai, đó là vị Chuyển Luân Vương tương lai.

Nếu đó là vị Chuyển Luân Thánh Vương thì trong ngày vị đó lên ngôi vua sẽ tự nhiên xuất hiện cái bánh xe. Chuyện hơi phong thần chút, bà con có thể không tin, nhưng nếu tôi không giải thích thì quý vị khó hiểu chữ Luân Vương.

Tôi nói lại lần nữa, trong lịch sử nhân loại từ thời sơ sử tới giờ có biết bao nhiêu ông vua. Nhưng mỗi ông hùng cứ một phương, trong Kinh gọi là tiểu vương. Còn Chuyển Luân Vương có ba hạng. Tất cả Chuyển Luân Vương đều có 32 tướng tốt như Đức Phật.

Một, cái ông bèo nhất, lúc lên ngôi tự nhiên xuất hiện trước mặt ông bánh xe bằng bạc, vừa với tay ông. Và tự ông biết cách sử dụng bánh xe đó. Mỗi lần muốn đi đâu ông chỉ nghĩ trong bụng thôi. Thí dụ đang đứng ở Sài Gòn, ông nghĩ: “Cà Mau đi”, thì tự nhiên ông sẽ có mặt ở Cà Mau. Rồi ông đang ở Cà Mau, ông nghĩ: “Ra Đà Nẵng đi”, là ông lập tức có mặt ở Đà Nẵng. Ông vua nào có bánh xe bằng bạc thì ông cai trị có một hành tinh.

Ông Chuyển Luân Vương thứ hai phước nhiều hơn. Trong ngày lễ đăng quang thì ông sẽ nhận được bánh xe bằng vàng. Chẳng những ông chinh phục được hành tinh này mà ông còn chinh phục thêm một hành tinh có người ở khác nữa.

Ông thứ ba, ngày đăng quang sẽ có bánh xe bằng ngọc. Ông này cai trị bốn hành tinh, bốn châu. Trong sức của nhân loại bây giờ mình chỉ biết có bốn hành tinh thôi. Còn những hành tinh, những ngôi sao, tinh tú bên ngoài mà mình nghi có người ở thì nằm trong dạng hy vọng và nghi ngờ thôi. Chớ cho đến hôm nay, khoa học chưa phát hiện hành tinh nào khác bên ngoài chúng ta mà có người ở.

Nhưng theo trong Kinh thì chuyện đó bình thường lắm. Theo tinh thần trong Kinh, có vô lượng vũ trụ, vô lượng galaxies, vô số thái dương hệ, vô số mặt trời, vô số mặt trăng.

Khả năng mình bây giờ, tôi nói hoài, chúng ta chỉ mới chinh phục được tốc độ âm thanh, chớ tốc độ ánh sáng ta chưa tới được. Mà nếu chưa chinh phục được tốc độ ánh sáng thì chúng ta đi đâu đây? Bởi có rất nhiều hành tinh cách chúng ta tới mấy chục năm ánh sáng. Có nghĩa là nếu chúng ta đi bằng tốc độ ánh sáng, 300.000 km/giây, thì chúng ta tới 40 năm.

Các vị tưởng tượng tuổi thọ mình đâu cho phép mình thực hiện bất cứ công trình nghiên cứu nào. Cái đó dành cho thế hệ sau rồi. Mà trước mắt chúng ta chưa chạm tới một nửa tốc độ ánh sáng, chớ đừng nói tới tốc độ ánh sáng. Cho nên chúng ta không biết Chuyển Luân Vương là gì hết.

Thì Ngài nói, trong tất cả các ông vua thì ông Chuyển Luân Vương là số một. Người có 32 tướng tốt luôn luôn trên đầu thiên hạ, “bất chiến tự nhiên thành”. Không cần ra quân, không cần ra sức, thiên hạ nhìn mặt mình là tự động cúi đầu quy ngưỡng.

Mà ở đây có hai hạng vua. Vua thứ nhất là vua tâm linh. Những người cầu Đạo giải thoát khi gặp Phật phải nể mặt ba phần để mà lắng nghe. Còn ông vua về vật chất, ông Chuyển Luân Vương đi đến đâu, nhìn mặt ông là người ta chỉ muốn làm thần dân ông thôi.

Ví dụ thứ sáu là ánh sáng mặt trăng

Tiếp theo là Ngài nói cho người Ấn Độ thời của Ngài, chớ mình đừng đem chỗ này hiểu theo kiểu của mình. Ngài nói theo khả năng nghe, nhìn, biết của người thời đó thôi. Ngài nói: Các người nhìn lên trời, đâu có ngôi sao nào to bằng, sáng bằng mặt trăng. Đâu có thiên thể nào trong khả năng ghi nhận, nhìn thấy của chúng ta mà nó lớn bằng mặt trăng. Cho nên Ngài nói, theo thời đó, mặt trăng là ánh sáng nhiều nhất. Không có ánh sáng ngôi sao nào sánh bằng ánh sáng mặt trăng.

Bài Kinh này nói một vấn đề thôi, là tinh thần “không dễ người”, nhưng lại được kể vào chương 6 pháp là vì ở đây Ngài dùng 6 ví dụ để vinh danh, xác định tầm quan trọng của tinh thần không dễ người ấy. Nó lớn chuyện lắm.

Tôi nhắc lại lần nữa. Đối với người cầu Đạo giải thoát rất ráo thì người ta không thiết tha chuyện làm công đức để cầu quả nhân thiên đâu quý vị. Trong room này, ai mà còn có ý cầu quả nhân thiên thì chỉ có hai hạng thôi.

Một là còn đắm đuối, mê mẩn trong chuyện sanh tử, chưa biết vãi ra quần đối với chuyện sanh tử.

Tại sao chúng tôi xài chữ nặng vậy? Tại sao chuyện sanh tử nó đáng sợ? Là bởi vì cơ hội làm thiện nó luôn luôn ít hơn cơ hội làm ác. Người thiện khó gặp hơn người ác. Tư tưởng thiện hiếm hoi hơn tư tưởng ác. Nhớ nhiều đó thôi.

Nếu cái thiện hiếm hơn, khó hơn cái ác thì coi như đường về cõi khổ rộng mở rồi. Nghĩ bao nhiêu đó đủ run rồi. Nghe.

Cho nên nghĩ đến chuyện sanh tử thì đừng cầu quả nhân thiên. Tôi nói hoài, người đời có ba hạng:

Hạng một, không biết gì hết. Ăn rồi chỉ mong được quả lành, mong được đẹp, giàu, tình cảm, quyền lực.

Hạng thứ hai, thiết tha với nhân lành, tu hành tinh tấn để vun bồi công đức.

Hạng thứ ba, thấy rằng nhân ác quả ác đáng sợ, nhân lành quả lành cũng đáng sợ. Bởi vì nó là những tấm vé đưa chúng ta lui tới những cảnh giới sanh tử. Sung sướng thì có sung sướng, nhưng nguy cơ thì trùng trùng.

Các vị tưởng tượng trên vùng đất giặc, trên vùng đất địch mà chúng ta có của nả, có tí nhan sắc, có tí sức khỏe thì để làm cái gì?

Sẵn đây tôi mở ngoặc nói luôn, tôi mong trong room đừng có ai hiểu lầm rồi hờn giận tôi tội nghiệp, nghe. Chớ tôi khuyên bà con ai mà đang làm ăn ở Campuchia thì làm ơn rút quân đi. Nếu ham quá thì làm ơn chạy qua Lào, qua Thái dùm tôi. Chớ đất Miên không phải là “đất của mình”.

Bởi vì trong tâm khảm, trong đáy lòng người Campuchia cho đến bây giờ, mỗi hận Lục tỉnh nó chưa có nguôi đâu, quý vị. Dĩ nhiên đa phần người Campuchia ngoan hiền, dễ thương mình không có nói, nhưng lúc nào trong đám dân Campuchia đó cũng có không ít những kẻ sôi sục ngấm ngấm chí hướng phục quốc, thu hồi sáu tỉnh miền Tây hết trơn. Họ coi mình là thẳng ăn cướp. Cho nên mới có chữ “cáp duồn” — chặt đầu Việt Nam, “cáp” là chặt, “duồn” là Việt.

Đất đó không phải đất lành đâu quý vị. Lo ở đó làm ăn, sắm vàng sắm bạc, bữa nào nó vô nó lụi, nó cắt cổ thì ráng chịu.

Không phải tôi lạc đề đâu. Tôi muốn nói cõi sanh tử y chang như đất Campuchia với người Việt Nam mình vậy đó. Làm ăn cho đã rồi cuối cùng cũng tay trắng. Năm 70, bà con Việt kiều Campuchia mình hồi hương biết là bao nhiêu. Đi trễ là bị chết sạch.

Chưa hết, mình còn phía Trung Quốc nữa. Đất Trung Quốc có mở cửa, mình qua bên làm ăn chứ không nên ở lâu. Vì sao? Vì người Tàu tâm tánh đa đoan, khó lường. Thêm nữa là bên đó ăn uống, thuốc men độc hại, nguy hiểm. Không chết nay, mai cũng chết. Mai không chết, mốt cũng chết.

Đất Trung Quốc lâu lâu đi chơi một lần năm ba ngày thì ok, chứ nếu mà xem Trung Quốc là chỗ xây dựng sự nghiệp đời đời cho con cháu tử tôn truyền đại thì không nên, nhớ nghe. Đi đâu thì đi, Âu, Mỹ, Úc. Chớ còn Nam Phi là tốt nhất trong châu Phi mà đã không tin được rồi. Còn châu Á thì Nam Hàn, Nhật Bản, Singapore. Chớ còn ngoài ra, tôi cũng khuyên bà con nếu muốn lắm thì cũng coi kỹ mấy xứ quốc giáo là Miến, Thái, Lào thôi, chớ còn không nên đi lang bang, nghe.

Tại sao tôi đánh một vòng? Tôi muốn nói rằng trên đất giặc, mình không có tin được. Chỗ đất nguy hiểm mình không thể làm ăn lâu dài được.

Ở đây cũng vậy. Trong kinh này Đức Phật Ngài dạy không dễ người, có nghĩa là không coi thường điều thiện nhỏ rồi không làm; không coi điều ác nhỏ rồi làm; không coi thường chuyện sanh tử. Vì có mặt trong cõi sanh tử, dầu cõi vui, cõi lành đi nữa, thì nguy cơ vẫn trùng trùng vì mình đang sống trên vùng đất giặc.

Đêm đêm nhìn đốm hỏa châu mà không biết Tết này con có về với mẹ hay không?

Kinh Dhammika

Bài kinh này dài thăm thẳm, nhưng nội dung nói gọn hai điều thôi. Đó là có vị tỳ kheo tên là Dhammika. Vị này có thói quen rất là kỳ cục, có lòng tu, có lòng cầu giải thoát, nhưng tập khí sanh tử nhiều đời lại nặng nề hơn người bình thường.

Sống ở đâu cũng tìm có gây gổ, kiếm chuyện, làm phiền người này người kia, xung đột người nọ. Nên cuối cùng vị này không sống ở đâu được hết trơn. Cuối cùng anh em chạy mất, huynh đệ đồng tu lánh mặt đã đành. Ngay cả cư sĩ không biết tại sao họ thỉnh tăng ni về an cư nhập hạ ở chỗ họ một thời gian là mấy vị chạy mất hết. Họ tìm hiểu ra là ông sư phụ mình, ông đi đến đâu ông quậy banh chành đến đó, quậy banh chùa luôn.

Cuối cùng Phật tử chịu hết nổi, mặc dù họ quý Phật, quý chư tăng, họ mới vô nói:

“Thưa ngài, trụ xứ này của con làm cúng dường chư tăng mười phương. Mà giờ mười phương dột hết, về tan nát bốn phương hết rồi. Còn có mình ngài, chắc con thỉnh ngài đi để con rước cha khác về. Chớ còn quậy banh cái này, tội con không biết nương nhờ ai.”

Khi thí chủ ngỏ lời vậy thì cũng khó hả. Mà đời tu trôi giạt mà. “Đời tu như cánh chuồn chuồn. Khi vui nó đậu, khi buồn nó bay.” Cho nên hết chỗ này phải qua chỗ khác. Mà coi như ông đi tới đâu, ông cứ móc bài cũ ra ông làm. Đi tới đâu ba bữa là có xung đột, có mâu thuẫn.

Cuối cùng không còn chỗ để đi, ông đi về với Phật. Ngài nhìn căn cơ ông này, Ngài biết không phải tầm thường, nên Ngài gọi tên vị này là:

“Này bà-la-môn.”

Đây là một trong những chỗ đặc biệt trong kinh mình thấy Ngài gọi một vị tỳ kheo là “bà-la-môn”. Đó là một cách gọi trân trọng, vì Ngài biết tay này không phải tay mơ.

Bà con vô trong Trung Bộ Kinh, coi bài Angulimala. Ngài Angulimala này trước khi đi xuất gia là đệ nhất sát thủ. Trong kinh nói sức Ngài mạnh bằng bảy con voi, sức chạy bằng bốn con ngựa cộng lại, Ngài chạy nhanh lắm. Ngài là thập bát ban võ nghệ, trường, côn, kiếm, thương, kích, chùy gì Ngài cũng xài hết. Thối, cước, quyền Ngài tinh thông.

Khi còn học, ông thầy rất cứng nhưng đám bạn thì ghét, nói:

“Thằng này sao giỏi quá. Mình diệt nó bằng cách giết thì hạ sách. Mượn đao giết người mới là thượng sách.”

Nó mới vô tình với sư phụ:

“Thằng này sớm muộn gì cũng quậy banh cái võ đường của mình, vậy sư phụ tính sao?”

Thì sư phụ cũng ớn quá. Kêu Ngài vô, thấy Ngài mạnh quá ông cũng sợ. Nên ông bày, ông nói:

“Con, bây giờ ta còn tuyệt chiêu cuối cùng muốn truyền cho con.”

Nhưng theo Tiểu ngạo giang hồ, muốn luyện tới mức mình chủ võ lâm phải qua tới Tịch tà kiếm phổ, tức là dẫn đao tự cung. Còn ở đây sư phụ ngài Angulimala thì không biết vụ đó. Mà ông có tuyệt chiêu sau cùng là muốn luyện cho thành thì con phải có xâu chuỗi gồm có 1.000 móng tay của 1.000 người. Có nghĩa là mỗi người con chỉ lấy được một móng thôi. Với xâu chuỗi đó, con mới đạt đến tuyệt bích học nghệ.

Ngài tốt bụng, ngoan hiền, có cái là trời sanh Ngài khờ. Cái gì cũng số một, chỉ có cái khờ số hai. Từ cái hiền mà tham vọng quá lớn, nên Ngài tìm chỗ vắng mà núp, khách bộ hành đi ngang Ngài cứ giết từng người từng người. Cuối cùng Ngài giết được 999 người, còn sót một người nữa là coi như xong xâu chuỗi.

Nhưng tại sao sư phụ bày cái đó? Bởi sư phụ biết xúi nó làm bậy vậy, sớm muộn gì nó cũng bị pháp luật trừng trị. Giống như các vị nhớ Tạ Tốn với Thành Khôn không? Thành Khôn tìm đủ cách giết con, giết vợ Tạ Tốn để Tạ Tốn nổi điên, bị đẩy vô đường cùng. Để Tạ Tốn đi quậy banh giang hồ võ lâm, mượn giang hồ võ lâm để giết Tạ Tốn.

Ở đây cũng vậy, ngài Angulimala chính là Tà Tồn của 26 thế kỷ trước. Nên tinh thần, hoàn cảnh Tà Tồn không phải mới đâu. Chuyện đó đã xưa lắm rồi.

Thì ngài giết đến người thứ 999, còn một người nữa, ngài nóng ruột quá. Lúc đó từ xa một người đàn bà lù lù đi tới, thì ngài nói: “Khỏe quá, bữa nay đại nghiệp cáo thành rồi”. Thì khi người đàn bà đến gần, ngài mới biết đó là mẹ của ngài.

Mà tại sao có chuyện mẹ đi tìm con? Bởi bà mẹ nghe tin phong phanh là lần này đích thân vua không phái tướng mà đích thân cử binh đi bắt con trai mình. Mẹ thương nên báo nó biết để nó trốn.

Trong Chú giải còn nói thêm cái này: vua Pasenadi võ nghệ tuyệt luân. Nhân vật thứ hai nữa chính là vua A Xà Thế, có khả năng khinh công không tưởng tượng được. Người ta tập bằng cách là đào một cái hố, rồi chân đeo cục sắt nhảy từ dưới hố lên mặt đất. Rồi theo thời gian cái hố đào sâu hơn và cục sắt phải nặng hơn. Theo thời gian cái hố lại càng sâu hơn, cục sắt phải nặng hơn. Đến một lúc nào đó, khi liệng hai cục sắt rồi, người ta chỉ vỗ đùi cái “phét” là người ta lên cái “ót”. Khinh công nó luyện vậy đó.

Thì vua Ba Tư Nặc là một, A Xà Thế là hai, vua Udena là ba... đây là những cao thủ võ lâm trong thời xưa. Bà biết là vua đã ra tay, một thì ống là cao thủ, hai nữa là ống binh lính trùng trùng, thì con trai mình chịu không nổi đâu. Vì tình mẫu tử, bà mới đi báo cho con biết. Đưa con lúc bấy giờ nó đã điên rồi, đã say máu rồi, nó đâu biết đó là mẹ nữa.

Thì buổi sáng hôm đó Đức Phật biết rõ là nếu hôm nay mà ta không đến cứu kịp thì Angulimala sẽ không còn cơ hội nữa. Vì giết mẹ thì hết kiếp này chắc chắn sẽ đi vào vô gián địa ngục. Thứ hai, giết mẹ xong thì trong vòng ba giây cũng bị triều đình bắt. Chỉ có ta cứu Angulimala cùng một lúc thoát khỏi đại họa đó. Một là không giết mẹ để đi vào địa ngục, thứ hai là không bị triều đình bắt thì tàn một đời, cho nên Ngài đã xuất hiện và Angulimala đã chọn Đức Phật, và tha cho bà mẹ.

Thì các vị biết chuyện gì đã xảy ra sau đó. Khi Ngài được Phật độ rồi, mà Ngài được độ bằng một câu nói rất là hay.

Trong Kinh nói Ngài rượt Phật hoài, mà rượt hoài mà không có cách nào chạm vào người Đức Phật, thì Ngài mới hét lên:

“Ông thầy tu đứng lại dùm”.

Thì Đức Phật nói:

“Ta đã đứng từ lâu, có người là chưa đứng”.

Thì ngài Angulimala nghe câu này sốc dữ lắm. Ngài nói:

“Ta nghe nói rằng sa môn Gotama chưa bao giờ nói dối. Đây ta thấy lần đầu tiên Ngài nói dối. Ngài vẫn bước đi đều đặn từng bước từng bước mà tại sao Ngài nói đã dừng?”.

Thế Tôn nói:

“Ta đã dừng là không còn sanh tử. Ta đã dừng là ta không tạo thêm nghiệp tái sanh. Còn người, người đang tiếp tục tạo đó, người biết không. Cho nên ta đã dừng mà người thì chưa dừng”.

Ngài Angulimala nghe vậy hết hồn. Ngài nghĩ liền, 100.000 đại kiếp tu hành mà. Cho nên Ngài nghe như vậy, Ngài hiểu ngay: hôm nay Thế Tôn đến đây vì ta. Vì ta mà Thế Tôn đến đây.

Nói rồi Ngài liệng bỏ tất cả cung tên, giáo mác, quỳ sụp xuống, và Phật đem Ngài về chùa cho xuất gia. Chuyện sau đó quý vị tự đọc lấy.

Sau đó, khi Ngài đi xuất gia rồi, Ngài đi bát. Trời đất ơi, mấy người bị mất cha, mất mẹ, mất chồng, mất con, mất cháu, mất chặt đó, họ thấy Ngài, họ giết thì không dám

giết, mà họ lấy đá họ liệng, lấy cây họ đập. Họ đánh bể đầu chảy máu, bể bình bát, y áo rách tươm, máu me đầm dề. Mà cứ bị vậy hoài vậy đó.

Mà lạ lắm, bị vậy đó mà hể lúc nào về tới chùa thì lúc nào cũng có người đem đồ ăn tới, cúng dường ê hề. Chư tăng mới lấy làm lạ:

“Bạch Thế Tôn, vì đâu tôn giả Angulimala bị đuổi tận giết tiệt như vậy mà bữa nào cũng ăn uống hơn chư tăng bình thường hết trơn?”.

Phật nói:

“Trong đời Phật Ca Diếp, Thế Tôn đời trước ta, Angulimala cũng là một tỳ kheo. Ngày ngày khát thực về ăn dư chút, đi rửa bát, vét vét thành nhúm, kiếm chỗ nào để có ý cho con gì đó ăn được thì ăn, chim, dơi, kiến, chuột gì đó”.

Mà suốt một đời tu, ngày nào cũng vậy. Mà các vị tướng vét vét bình bát, nhúm nhúm vậy có là bao nhiêu. Vậy mà sau khi chết rồi, luân hồi các kiếp các cõi, để ra là đồ ăn ngập mặt, để ra là thực phẩm chạm tới óc. Đến kiếp cuối gặp Phật Thích Ca Mâu Ni rồi, gieo nợ máu thiên hạ, ai đánh thì đánh, còn người nào cúng thì cứ cúng thôi.

Tôi đánh một vòng tường như lạc đề để giải thích chữ bà la môn. Là có một lần ngài bị đánh quá trời. Y rách, máu me, bình bát bể, ngài giống như không còn chỗ nào để đi, ngài trở về gặp Phật. Phật thấy ngài từ xa đi tới, đúng là “má nhìn không ra”. Thì Đức Phật nói thế này:

“Này bà la môn, hãy kham nhẫn”.

Ngài gọi ngài Angulimala là bà la môn.

“So với những gì mà người đã làm cho thiên hạ, thì ba cái nạn nhỏ nhỏ người đang chịu không có thấm vào đâu hết. Người phải bị băm vằm 300.000 đại kiếp, bị đọa 18 tầng địa ngục mới hết cái tội. Đấng này người bị vậy là nhẹ, chỉ một phần tỷ thôi”.

Vậy đó. Chuyện về Ngài dài lắm. Đại khái ta thấy một lần cơ hội Phật gọi một vị tỳ kheo là bà la môn.

Ở đây cũng vậy, ngài Dhammika, trời ơi, kiếp chót đắc A-la-hán mà trước khi đắc thấy ghét vô cùng. Sẵn đây chúng ta nhớ một chuyện rất quan trọng. Cái tập khí, cái tánh nó quan trọng lắm.

Có nhiều người có phước mà quên cái đức là vậy đó. Tu phước, tu huệ mà quên tu tâm. Có trường hợp cũng hành thiền, cũng bố thí tùm lum, nhưng tánh xấu thì không chịu bỏ. Cho nên khi đắc Thánh rồi khổ người ta. Đắc Thánh rồi đâu còn phiền não nữa, nhưng do mình sống thấy ghét nhiều đời nên nó để lại nhiều món nợ. Nên đắc Thánh rồi, người ta nhìn mặt mình người ta thấy ghét. Chớ đắc Thánh thì hết bất thiện rồi. Cho nên nhiều vị A-la-hán đắc rồi vào rừng sâu núi thẳm lánh mặt. Mình không biết, chửi ngài là tiểu thừa, chớ không phải.

Là Đại thừa của Đại thừa, là “ông cố nội” của mấy người Đại thừa đó. Ngài lánh mặt là tại sao? Vì Ngài biết rằng mình mà mon men ra phố, chúng nó thấy nó ghét. Mà nó ghét là nó gieo họa. Cho nên nhiều khi lánh mặt cũng là một cách độ đời, quý vị hiểu không?

Trong A-tỳ-đàm nói rất rõ: mọi thứ ở đời đều là duyên hết. Giúp nhau bằng cách có mặt trước. Giúp nhau bằng cách có mặt sau. Giúp nhau bằng cách cùng có mặt. Giúp nhau bằng cách vắng mặt, cũng là giúp. Trong room có hiểu cái này không ta? Cái này sâu lắm: giúp nhau bằng cách vắng mặt. Cái cũ không đi, cái mới làm sao tới. Hoặc bây giờ mình biết người ta gặp mình mà người ta bất thiện, thì thôi mình né dùm cho người ta.

Mà kẻ phàm phu đem bụng tiểu nhân đo lòng quân tử, thấy người ta đi vô rừng vô bụi là chửi người ta Tiểu thừa. Còn mình thì ăn rồi tối ngày rần rần rần rần, tưởng mình Đại thừa. Đó là “dư thừa” chớ không phải Đại thừa. Còn người ta lánh mà lánh

rất chi là Đại thừa. Mình chỉ lấy mắt nhìn thì trật lất hết, bởi chuyện đời thấy vậy mà không phải vậy.

Thời Đức Phật có nhiều vị chương khí trùng điệp, như ngài Dhammika đắc A-la-hán, hết tham hết sân rồi mà cứ mở miệng ra nói toàn thô ngữ, kêu bằng thẳng này thẳng kia không: thói quen. Ngài Dhammika khi chưa đắc, sống thấy ghét lắm, làm thiên hạ rối tung, rồi gây gỗ, chống trái, xung đột, mâu thuẫn. Cuối cùng không ai sống với ngài được. Ngài hết chỗ đi thì ngài mới về gặp Phật.

Phật thấy ngài từ xa, Phật hỏi:

“Này Bà-la-môn, đi đâu tới đây?”

Ông mới nói:

“Dạ, con bị người ta đuổi.”

Phật nói:

“Đúng rồi.”

Cái chữ “alam”, ngài Minh Châu dịch là “thôi, vừa rồi”, nhưng theo văn cảnh trong tiếng Pali thì chỗ đó dịch là “đúng rồi, phải rồi”. Chuyện này đối với ông không có gì lạ hết. Chỗ này dịch theo bây giờ là: “Đúng rồi, phải rồi. Mà ông có mất gì đâu. Thiên hạ bỏ ông nhưng còn Ta, còn Như Lai mà.”

Thì Ngài mới giúp vị này bằng cách kể một câu chuyện xưa. Chuyện này đại ý là mình sống ở đâu mà không đem lại lợi ích cho chỗ đó, mà chỉ đem họa cho người ta, thì sớm muộn gì mình cũng phải bị đẩy ra khỏi chỗ đó thôi. Ăn cây nào thì rào cây nấy. Mà đa phần chúng ta lại khoái đào hơn khoái rào, nghe! Cho nên mình muốn cộng trú chỗ nào thì phải có điểm tương thích chỗ đó, phải vun xới chỗ đó.

Từ nội dung này dẫn đến một nội dung khác cực kỳ sâu thẳm. Đó là một người tu tập Tứ Niệm Xứ bằng tinh thần không dễ người, bằng tinh thần cầu giải thoát, thì đó là

người không thể thích hợp với bất cứ nơi chốn nào trong ba cõi sáu đường nữa. Khi mình tiếp tục còn có chỗ thích hợp trong ba cõi sáu đường thì mình còn có cơ hội tái sinh.

Vị A-la-hán không còn bất thiện nhưng vị ấy cũng không còn thiết tha điều lành, quả lành. Vị A-la-hán là người không có chỗ để đi, đâu thì không muốn đội trời mà chân cũng không muốn đạp đất. Thế là đành phải như ngọn đèn tắt. Bà con thắc mắc hỏi tôi nói vậy là từ đâu. Làm ơn tìm vào Kinh Tam Bảo, Ratanasutta, coi có đúng không. Vị La-hán không còn chỗ để đi, đành làm ngọn đèn tắt phụt. Cắt đứt tất cả chủng tử trầm luân sanh tử trong ba cõi sáu đường. Các ngài không muốn còn chỗ nào ghé chân nữa.

Cho nên bài Kinh này có hai nội dung rất sâu.

Thứ nhất, nội dung về thế tục. Anh muốn sống ở đâu thì anh phải biết câu “ăn cây nào rào cây nấy”. Anh phải có đóng góp, phải có vun xới, phải có hy hiến cho nơi chốn đó. Anh làm sao mà sự có mặt của anh nó có lý do, và nó thành điều kiện cộng sinh, cộng trú, cộng hưởng với những người ở nơi chốn đó. Đó là nghĩa cạn của bài Kinh.

Thứ hai, ngày nào anh còn quá nhiều điều kiện để sanh tử thì ngày đó đương nhiên tiếp tục sanh tử. Ngày nào anh còn là một người lữ khách dễ thương trong cuộc đời này, anh còn có chỗ nắm níu, có chỗ để ghé về, thì ngày đó anh còn tiếp tục là một người viễn khách mãi hoài trầm luân sanh tử.

Vị La-hán là người khách không có mận mà với bất cứ nơi nào khác. Vị La-hán là người chỉ chực chờ bỏ đi mà thôi. Một vị khách lạnh lùng, vị đó không muốn ghé nhà nào, cũng không muốn nhà nào chào đón mình hết. Đó là tinh thần của La-hán. Nhớ nghe! Đó là nội dung sâu sắc thứ hai. Là khi anh không muốn có mặt thì anh chỉ việc quay lưng, xoay mặt, thì anh đã là khách lạ, một người khách khó ưa.

Ở đây cũng vậy. Trong cuộc sanh tử trầm luân, mình phải là người chối từ tất cả những mái hiên, những chỗ ghé, chỗ qua đêm, mình phải chối từ hết, không còn có một chỗ nào đó để mà yêu thương, để mà tiếc nhớ.

Đối với tôi, tôi đọc câu chuyện đó theo tinh thần của tôi, nhưng tôi không dám xúi dại bà con. Câu chuyện của nhà văn Hoàng Ngọc Tuấn. Câu chuyện đó là “Lên xứ lạnh nhớ mang theo áo ấm”. Chuyện đó rất là đời, quý vị.

Là một buổi chiều ở cao nguyên Đà Lạt, có một người khách phong trần mặc chiếc áo phong phanh đến gõ cửa một căn nhà. Sau khi chờ đợi lát sau, có tiếng dép lẹp lẹp, một người thiếu phụ đứng tuổi bước ra mở cửa cho anh, mà bằng ánh mắt vừa ngạc nhiên vừa hờn dỗi, vừa có cái gì đó chất chứa không nói được. Thì thấy anh đứng tần ngần, người thiếu phụ hỏi có muốn vào không. Thì anh vừa dỗi vừa lạnh, anh vào.

Người thiếu phụ hỏi anh muốn ăn chút gì không. Anh im lặng. Người thiếu phụ hiểu và đem ra cho anh ít bánh tây và một ly sữa nóng. Anh uống xong xuôi, người thiếu phụ hỏi lâu nay ở đâu. Anh nói anh lang thang. Nàng hỏi làm gì sống. Anh trả lời viết văn. Cô hỏi viết về cái gì. Anh nói viết về tình yêu. Thì cô cười khẩy. Cô nói:

“Người như anh không có tư cách để nói về tình yêu, anh biết không? Nó, con của mình, tui bỏ nó rồi. Anh phụ bạc tui, tui bỏ nó rồi. Bây giờ anh không còn gì ở ngôi nhà này nữa. Anh đi đi. Đêm nay anh không thể ngủ ở đây.”

Anh hiểu, anh đứng dậy anh đi. Khi ra tới cửa, cũng còn một chút tình xưa, cô kêu khoan đã, rồi cô vào trong lấy ra một chiếc áo đàn ông cũ sờn, chiếc áo ấm, cô đưa anh, nói:

“Mai mốt lên xứ lạnh nhớ mang theo áo ấm.”

Câu chuyện đó với nhiều người là một chuyện tâm lý xã hội bình thường, nhưng với tôi nó là một bài Kinh. Thì ra một chỗ ghé trong cuộc đời không phải đơn giản đâu,

quý vị. Chúng ta phải là ai, và chỗ ghé đó là ở đâu, và người chủ nhà đó là người như thế nào, thì chúng ta mới có thể còn được một chốn về. Các vị nghe kịp không?

Tôi nhớ ngày xưa, hai mươi năm trước, tôi có làm một bài thơ thế này:

“Ta bỏ lên đường làm du sĩ

Em về gương lược”

những đêm khuya

Vườn xưa xin nhớ đừng khóa cổng

Ai biết ngày sau có kẻ về”.

Bài thơ rất là phàm tục, nhưng nó cũng là kinh đó. Có nghĩa là mình là ai, và chỗ mình về là chỗ nào, và người chủ nhà đó là người ra sao thì mình mới còn có chốn về.

Người tu hành là người đã dứt áo ra đi, không có quay trở lại. Thiện thế là gì? “Thệ” là nước chảy đi không quay về mới gọi là thệ. Có đi có về thì gọi là “lưu”, là “bộ”. Còn dòng nước đi luôn gọi là “thệ”:

“Cầu Thệ thủy ngời trơ cổ độ

Dáng thu phong đứng rữ tà huy”

Thệ thủy là nước đi luôn, nước không có về.

Ok, bài kinh này rất là sâu. Sâu kinh khủng lắm. Bây giờ tôi bận thiệt nghe. Cho tôi nghỉ đi.

Ngày mai thứ Tư, mình có thể học, cũng có thể là không. Mà có gì chúng tôi thông báo sau.

Vui ở chỗ là chúng ta đã học xong một chương. Mong ngày mai chúng ta đủ duyên để học tiếp. Và mong bài kinh chiều nay đối với bà con là một phần quà cho ngày cuối tuần.

Chúc các vị một ngày vui./.